

| | | | |
|---------------------------|-------------------|-------------|-------------|
| Ngày 28/06/2024 | 11,200 VNĐ | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -0.9% | 0.9% | 4.2% |

| | | |
|------------|--------------|--------------------------|
| | Q2/24 | |
| ROE | 10.7% | +/- YoY ▲ 2.9% |

| | | | |
|-----------------|-------------|----------------------|----------------------|
| | Q2/24 | | |
| DT thuần | 30.5 | QoQ ▲ 24.5 | YoY ▼ 0.80 |
| | | ▲ 412% | ▼ 2.6% |
| | tỷ VNĐ | | |

| | | |
|-----------------|-------------|----------------------|
| | 6T 2024 | |
| DT thuần | 36.5 | YoY ▼ 6.90 |
| | | ▼ 16.1% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|---------------|-------------|----------------------|----------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN gộp | 11.4 | QoQ ▲ 8.43 | YoY ▲ 0.20 |
| | | ▲ 285% | ▲ 2.1% |
| | tỷ VNĐ | | |

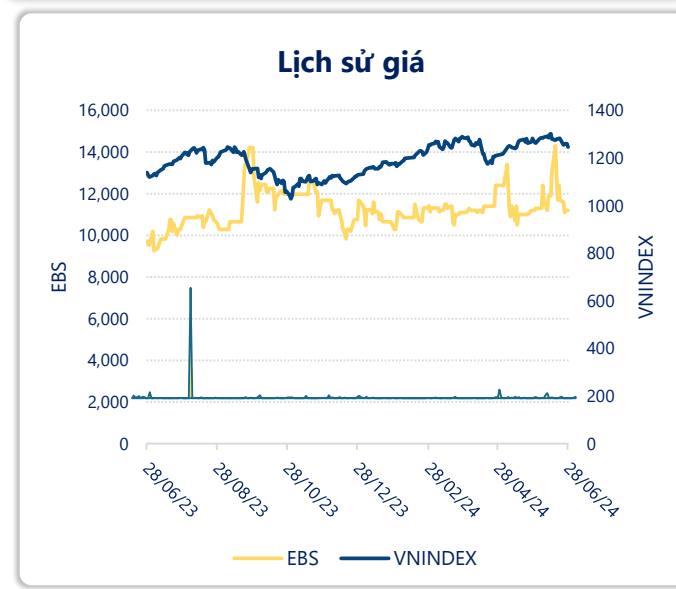
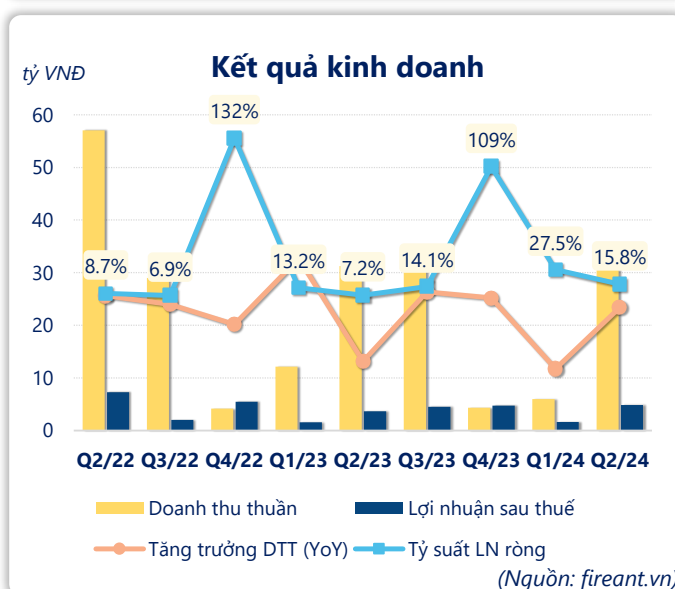
| | | |
|---------------|-------------|----------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN gộp | 14.4 | YoY ▲ 0.20 |
| | | ▲ 1.8% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|-----------------|-------------|----------------------|----------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN thuần | 5.29 | QoQ ▲ 3.60 | YoY ▲ 1.16 |
| | | ▲ 213% | ▲ 28.2% |
| | tỷ VNĐ | | |

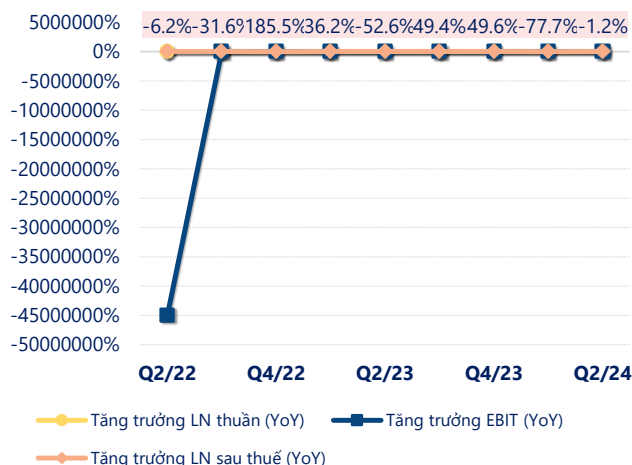
| | | |
|-----------------|-------------|----------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN thuần | 6.99 | YoY ▲ 1.01 |
| | | ▲ 16.9% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|--------------------|-------------|----------------------|----------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN sau thuế | 4.83 | QoQ ▲ 3.19 | YoY ▲ 1.17 |
| | | ▲ 194% | ▲ 31.8% |
| | tỷ VNĐ | | |

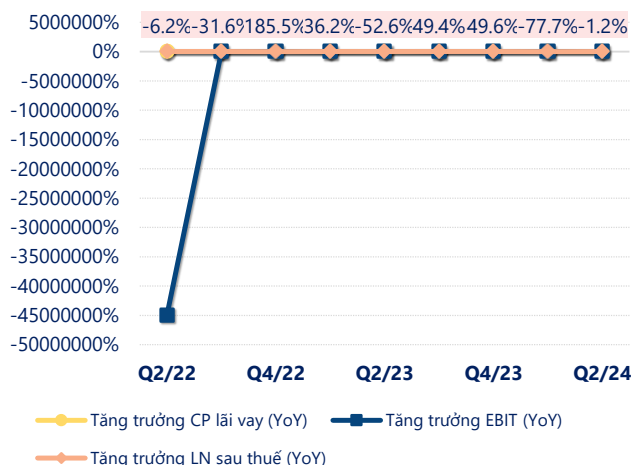
| | | |
|--------------------|-------------|----------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN sau thuế | 6.46 | YoY ▲ 1.20 |
| | | ▲ 22.9% |
| | tỷ VNĐ | |



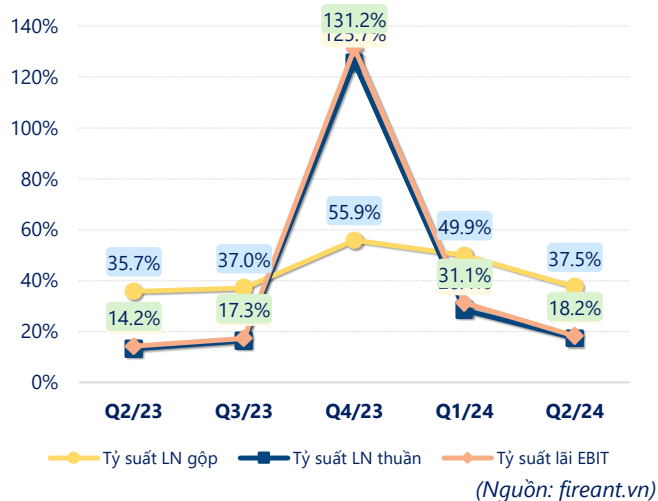
Tăng trưởng lợi nhuận



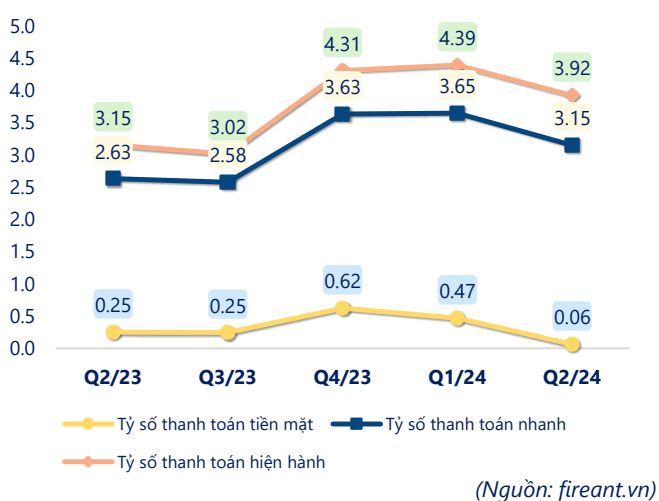
Tăng trưởng chi phí



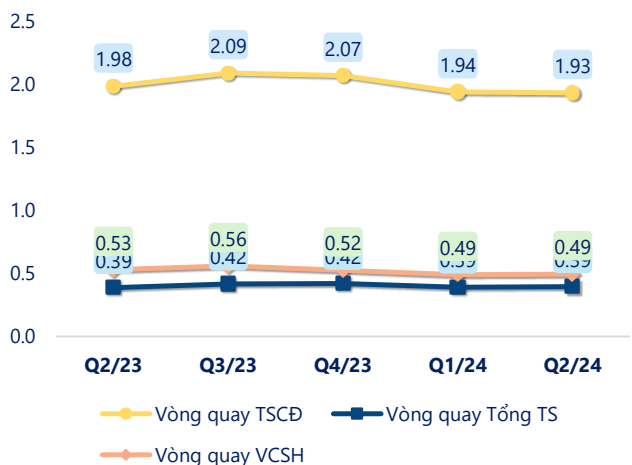
Tỷ suất lợi nhuận



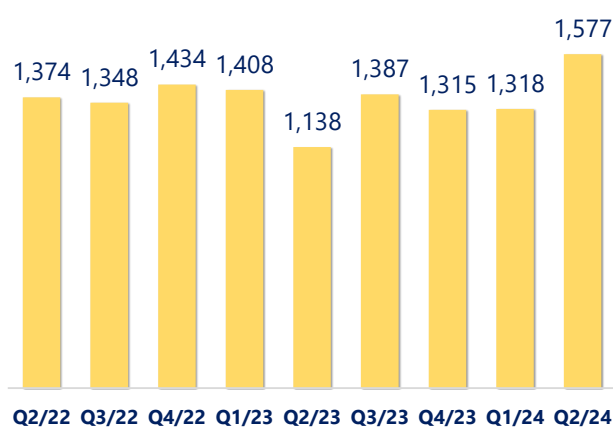
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q2/24 | Q2/23 | Thay đổi YoY | 6T 2024 | 6T 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|-------------|--------------|-----------------|-------------|--------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 30.5 | 31.3 | -2.6% | 36.5 | 43.4 | -16.1% |
| Giá vốn hàng bán | 19.1 | 20.1 | -5.2% | 22.0 | 29.3 | -24.7% |
| Lợi nhuận gộp | 11.4 | 11.2 | 2.1% | 14.4 | 14.2 | 1.8% |
| Doanh thu HĐTC | 1.19 | 1.64 | -27.6% | 2.70 | 2.67 | 1.1% |
| Chi phí TC | 0.47 | 0.12 | 293% | 0.68 | 0.62 | 9.4% |
| Chi phí lãi vay | 0.25 | 0.32 | -23.2% | 0.41 | 0.67 | -38.6% |
| LN trong công ty LKLD | 0.43 | -0.06 | 816% | 0.43 | -0.06 | 864% |
| Chi phí bán hàng | 5.05 | 5.77 | -12.5% | 6.88 | 6.52 | 5.4% |
| Chi phí QLDN | 2.24 | 2.74 | -18.2% | 2.99 | 3.65 | -18.0% |
| LN thuần từ HĐKD | 5.29 | 4.13 | 28.2% | 6.99 | 5.98 | 16.9% |
| Lợi nhuận khác | 0.00 | 0.00 | | 0.00 | 0.00 | -99.6% |
| LN trước thuế | 5.29 | 4.13 | 28.2% | 6.99 | 5.98 | 16.8% |
| Lợi nhuận sau thuế | 4.83 | 3.66 | 31.8% | 6.46 | 5.26 | 22.9% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 4.83 | 2.25 | 114% | 6.46 | 3.85 | 67.9% |

(Nguồn: fireant.vn)

